TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2020/HSST**
Ngày: **16/7/2020**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

2. Ông **Từ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát *nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang* tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/HSST-QĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Như T (Khiêm), sinh năm 1956. Giới tính: Nam

Nơi cư trú: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Lê Văn M , sinh năm 1914 (chết) và bà Phương Yến D , sinh năm 1924 (chết). Vợ: Phan Thị H , sinh năm 1960 (đã ly hôn). Con có 04 người, lớn nhất sinh năm 1984 và nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án: 01 tiền án, ngày 22/10/1985 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân, đến nay đã xóa án tích. Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/12/2019 đến ngày 17/4/2020 đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

** Người bị hại:*

1. Anh **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

2. Anh **Phạm Phú L** - sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

3. Bà **Cao Thị X** - sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

4. Chị **Lê Thị D** - sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Bà **Nguyễn Thị M** - sinh năm 1936 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị M :*

Bà **Nguyễn Thúy L** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt)

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. **Ủy ban nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Đ** . Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T .

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh L** . Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài chính và Kế hoạch huyện T . Theo giấy ủy quyền số 13A/GUQ-UBND ngày 01/4/2020 (có đơn xin vắng mặt)

2. **Ủy ban nhân dân xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Quốc K** . Chức vụ: Chủ tịch UBND xã T , huyện T .

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn T** . Chức vụ: Cán bộ địa chính xây dựng xã T , huyện T (có đơn xin vắng mặt)

3. Ông **Võ Hùng K** - sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

4. Ông **Lê Ngọc P** - sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Ông **Nguyễn Thanh L** - sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

6. Ông **Nguyễn Phước L** - sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh 9A, xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

7. Bà **Nguyễn Thị L** - sinh năm 1958 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

** Người làm chứng:*

1. Ông **Phùng Quang H** - sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố Đ , thị trấn Tân Hiệp, huyện T , Kiên Giang

2. Ông **Lê Anh H** - sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã V , huyện G , tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến cuối năm 2018 Lê Như T nguyên là Trưởng Ban lãnh đạo ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang, lợi dụng vào

mối quan hệ quen biết với nhiều người dân trên địa bàn huyện T , có nhu cầu mua đất ở và xin xét cấp đất trong tuyến khu dân cư vượt lũ 600, từ kinh 6 qua kinh 9, thuộc ấp Đ , xã T , huyện T , Kiên Giang nên T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản để lấy tiền chi xài cá nhân. Do đó khi có người đến nhờ mua dùm đất ở khu sinh lợi hay xin xét cấp đất do hoàn cảnh khó khăn T đều nhận lời giúp với điều kiện phải đưa tiền trước sau đó T dùng thủ đoạn gian dối như: Đứng ra làm hợp đồng mua bán đất giả, giả mạo chữ ký…Với thủ đoạn trên Lê Như T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 05 người dân với tổng số tiền là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 4/2016, Lê Như T lúc này là Công an ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang, do biết được gia đình bà Cao Thị X có nhu cầu về đất ở nên T đến nhà bà X nói "Tuyến dân cư 600 từ kinh 6 qua kinh 9 còn dư 13 nền nhà do UBND huyện T mới thu hồi và UBND huyện đang xét duyệt cấp bổ sung cho một số người dân trên địa bàn ấp Đ , xã T , huyện T " (nhưng thực chất không có chủ trương cấp bổ sung) sau đó T yêu cầu bà X đưa cho T 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) T sẽ xin cấp cho một cái nền, nghe vậy bà X tin lời của T là thật, nên đi vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) đưa cho T , khi nhận tiền T có viết biên nhận và hứa trong vòng 07 ngày sẽ có quyết định cấp nền nhà. Sau khi nhận tiền T chi xài cá nhân hết mà không sử dụng số tiền trên vào việc xin cấp nền nhà cho bà X , nên bà X đã làm đơn tố cáo Lê Như T về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Vụ thứ hai: Vào khoảng giữa năm 2016, Lê Như T do cần tiền để chi xài cá nhân và biết được gia đình anh Nguyễn Văn T có nhu cầu về đất ở nên T đến nhà anh Nguyễn Văn T và nói với chị Nguyễn Thị Tú T (vợ anh Nguyễn Văn T) tuyến dân cư vượt lũ 600 từ kinh 6 qua kinh 9, còn dư 13 nền nhà do UBND huyện T mới thu hồi và UBND huyện đang xét duyệt cấp bổ sung cho một số người dân trên địa bàn ấp Đ , xã T , huyện T (nhưng thực chất không có chủ trương cấp bổ sung), sau đó T yêu cầu gia đình anh Nguyễn Văn T đưa cho T 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) T sẽ xin cấp cho gia đình một nền, tin lời của T là thật, nên gia đình anh Nguyễn Văn T đi vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đưa cho T và hẹn khi nào được cấp nền nhà sẽ đưa cho T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) còn lại, khi nhận tiền T có viết biên nhận, Sau khi nhận tiền T chi xài cá nhân hết mà không sử dụng số tiền trên vào việc xin cấp nền nhà cho anh Nguyễn Văn T , anh Nguyễn Văn T đến tìm T nhiều lần nhưng T cố tình lánh mặt, biết đã bị T lừa nên anh Nguyễn Văn T đã làm đơn tố cáo Lê Như T về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Vụ thứ ba: Vào khoảng tháng 10/2017, Lê Như T do cần tiền để chi xài cá nhân và biết được gia đình bà Nguyễn Thị M có nhu cầu về đất ở nên khi bà M hỏi T trong tuyến dân cư vượt lũ 600 từ kinh 6 qua kinh 9 còn nền nào không, do biết được nền S24 chưa có người đăng ký mua (với giá niêm yết là 117.000.000

đồng) T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để chi xài cá nhân, nên T nói với bà M còn nền S24 bán với giá 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và bà M đồng ý mua và hẹn ngày giao tiền cọc. Đến ngày 13/11/2017 bà M cùng con rể là anh Lê Anh H đến nhà T đặt cọc số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) sau khi nhận tiền cọc T điện thoại cho anh Nguyễn Thanh L là cán bộ phòng Tài chính Kế hoạch huyện T nói đã bán được nền S24 và đã nhận đủ tiền mua đất của bà M , đồng thời nhờ anh L xuống giao nền S24 cho bà M , anh L tin tưởng lời của T là thật (thời điểm này T hiện là Trưởng Ban lãnh đạo ấp Đ) nên anh L cùng anh Phùng Quang H , thuộc Ban quản lý dự án huyện T xuống chỉ nền S24 cho bà M nhưng không làm biên bản bàn giao. Sau đó để tạo lòng tin nhằm mục đích nhận thêm số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) còn lại, T yêu cầu bà M cung cấp giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của người đứng tên mua nền để làm hợp đồng mua bán và quyết định giao đất (bà M cung cấp giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Hùng K là con trai của bà M cho T). Ngày 14/11/2017 T lên gặp anh L làm hợp đồng giao đất có thu tiền sử dụng đất lô sinh lợi tuyến dân cư vượt lũ giữa đại diện phòng Tài chính Kế hoạch với anh Võ Hùng K nhưng không có mặt anh K đi cùng, sau khi làm xong hợp đồng anh L đưa lại hợp đồng cho T để đưa lại cho anh Võ Hùng K ký tên, T nhận hợp đồng nhưng không đưa lại cho anh K ký tên mà tự mình giả mạo chữ ký của anh K ký tên vào hợp đồng sau đó đưa lại cho anh L , để anh L tham mưu ra quyết định phê duyệt kết quả giao quyền sử dụng đất cho anh K . Khi nhận được quyết định giao đất T photocopy một bản đưa cho gia đình bà M , gia đình bà M tin tưởng T đã làm xong thủ tục mua bán đất nên vào ngày 23/11/2017 anh K đến nhà T đưa cho T 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) còn lại, T viết biên nhận và hẹn một tháng sau sẽ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà M anh K tiến hành xây cất nhà kiên cố để ở. Khi nhận được tổng cộng 150.000.000đ từ gia đình bà M , T không nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận mà sử dụng vào mục đích cá nhân, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương, bà M liên hệ Phòng Tài chính Kế hoạch để xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được thông báo gia đình anh K bà M chưa nộp tiền mua đất nên không được cấp giấy, biết mình bị lừa nên bà M đã làm đơn tố cáo Lê Như T về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Vụ thứ tư: Vào khoảng tháng 12/2017 Lê Như T do cần tiền để chi xài cá nhân và biết được gia đình chị Lê Thị D có nhu cầu về đất ở nên T đến nói với ông Lê Ngọc P (là cha ruột của chị D) sẽ tạo điều kiện bán cho chị D một nền nhà ở khu sinh lợi trong tuyến dân cư vượt lũ 600 từ kinh 6 qua kinh 9, ông P trao đổi với chị D và chị D đồng ý mua một nền, T đã có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước nên tự đưa ra giá một nền là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) nhưng thực chất giá niêm yết của UBND huyện một nền là 117.000.000đ. Đến ngày 22/02/2018 chị D đến nhà T đặt cọc số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu

đồng), T yêu cầu cung cấp giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị D để làm hợp đồng mua bán và quyết định giao đất. Ngày 13/3/2018 T đến phòng Tài chính Kế hoạch huyện T gặp anh L làm hợp đồng giao đất có thu tiền sử dụng đất lô sinh lợi tuyến dân cư vượt lũ giữa đại diện phòng Tài chính Kế hoạch với chị Lê Thị D nhưng không có chị D đi cùng, sau khi làm xong hợp đồng, anh L đưa lại hợp đồng cho T để đưa cho chị D ký tên, T nhận hợp đồng nhưng không đưa lại cho chị D ký tên mà tự mình giả mạo chữ ký của chị D ký tên vào hợp đồng sau đó đưa lại cho anh L , để anh L tham mưu ra quyết định phê duyệt kết quả giao quyền sử dụng đất cho chị D . Khi nhận được quyết định giao đất, T Photocopy một bản đưa cho gia đình chị D , đồng thời T đưa ông P ra chỉ nền S30 để ông P cắm cọc ranh đất. Gia đình chị D tin tưởng T đã làm xong thủ tục mua bán đất nên vào ngày 19/3/2018 chị D nhờ ông P đến nhà T đưa cho T 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) còn lại, T viết biên nhận và hứa trong vòng 30 ngày sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thủ đoạn giống như trường hợp của bà Nguyễn Thị M , sau khi nhận được tiền T không nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận mà sử dụng vào mục đích cá nhân, do thời gian quá lâu mà không có giấy chứng nhận nên gia đình chị D đến gặp anh L cán bộ phòng Tài chính Kế hoạch để hỏi thì được biết do T không nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước, nên nền S30 hiện tại Phòng Tài chính Kế hoạch huyện T đã bán cho bà Phạm Thị Tuyết N , ngụ ấp Đ , xã T A, huyện T , tỉnh Kiên Giang. Biết mình bị lừa nên chị D đã làm đơn tố cáo Lê Như T về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Vụ thứ năm: Anh Phạm Phú L có căn nhà dưới mé sông Cái Sắn, thuộc tổ 5, ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang, căn nhà này anh mua lại của bà Nguyễn Thị L vào ngày 17/7/2012 với giá 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), Lê Như T biết anh L có nhu cầu mở rộng diện tích nhà, vì bên cạnh nhà anh L có con hẻm công cộng rộng ngang 0,7m giáp với nhà chị Vũ Thị Tuyết N , T đến gặp anh L và nói UBND xã T có chủ trương bán con hẻm công cộng trên để lấy tiền trả tiền điện thắp sáng trong tuyến dân cư vượt lũ 600 và chi an sinh xã hội với giá 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), nghe T nói vậy anh L đồng ý mua với điều kiện phải làm đầy đủ giấy tờ mua bán mới giao tiền. Đến ngày 02/7/2018 T tự soạn thảo một hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị L (chủ của căn nhà) với anh Phạm Phú L , diện tích thực của căn nhà bà L được cộng thêm 0,7m hẻm công cộng, T giả mạo chữ ký của người bán là bà Nguyễn Thị L và mang hợp đồng đến cho anh L ký tên người mua, sau đó đến gặp anh Nguyễn Phước L là cán bộ Tư pháp xã T nhờ chứng thực hợp đồng mua bán tài sản giữa bà L và anh L (không có mặt của anh L và bà L), do thời điểm này T hiện là Trưởng Ban lãnh đạo ấp Đ , xã T , tin tưởng T nên anh Nguyễn Phước L không xác minh tính xác thực của hợp đồng, mà trình lãnh đạo ký chứng thực. Sau khi chứng thực xong T mang hợp

đồng đến đưa cho anh L, anh L tin tưởng là thật nên đưa cho T 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), một thời gian sau anh L định mở rộng căn nhà ra con hẻm công cộng thì T ngăn cản với lý do con hẻm đang tranh chấp, anh L đến hỏi UBND xã T thì được biết UBND xã T không có chủ trương bán con hẻm cộng cộng, biết mình bị lừa nên anh L đã làm đơn tố cáo Lê Như T về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của Nguyễn Thị L và Lê Thị D ký trên những hợp đồng mua nền nhà do Lê Như T lập, kết quả như sau:

- Kết luận định giám định số 545/KL-KTHS ngày 27/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận: Chữ ký dạng đọc được "Lan" mang tên Nguyễn Thị Lan và chữ viết gồm các chữ "Nguyễn Thị Lan" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thị Lan trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) ***không phải do cùng một người ký và viết ra.***

- Kết luận định giám định số 559/KL- KTHS ngày 28/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận:

1. Chữ viết gồm các chữ "Lê Thị D " trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết của Lê Thị D trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) ***không phải do cùng một người ký và viết ra.***

2. Chữ ký dạng đọc được "Dương" mang tên Lê Thị Dương so với chữ ký dạng đọc được "Dương" của Lê Thị Dương trên mẫu so sánh (ký hiệu M6) ***không phải do cùng một người ký và viết ra.***

Ngày 11/02/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T , tỉnh Kiên Giang định giá đường hẻm công cộng diện tích 0,8m x 11,5m mà bị cáo T lừa bán cho anh Phạm Phú L . Ngày 14/02/2020 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T có công văn trả lời: Qua xem xét hồ sơ và kiểm tra thực tế tài sản yêu cầu định giá là 01 mảnh đất dùng làm đường hẻm đi công cộng chiều dài 11,5m, chiều rộng 0,7m mảnh đất nằm giữa nhà ông Phạm Phú L và nhà bà Vũ Thị Tuyết N , ngụ tại tổ 5 ấp Đ , xã T , huyện T . Hội đồng định giá không có cơ sở để định giá vì đây là mảnh đất này làm con hẻm đi công cộng nằm cặp Quốc lộ 80 mé sông Cái sắn, phần đất này nằm hết trong phần hành lang an toàn lộ giới và hành lang thủy giới, không nằm trong bảng giá đất của UBND tỉnh ban hành, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cáo trạng số 09/CT-VKSTH ngày 22/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Lê Như T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Như T . Sau khi phân tích và đánh giá mức độ

thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Như T mức án từ 02 năm đến 03 năm tù.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Trong quá trình điều tra bị cáo Lê Như T cùng gia đình đã thỏa thuận và bồi thường thiệt hại cho các bị hại trong vụ án gồm: anh Phạm Phú L số tiền bị chiếm đoạt là 30.000.000đ (bị cáo đã khắc phục cho anh L 25.000.000đ, còn lại 5.000.000đ anh L không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường); Bà Cao Thị X bị chiếm đoạt là 30.000.000đ (bị cáo đã khắc phục cho bà X 20.000.000đ, còn lại 10.000.000đ bà X không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường); Ông Nguyễn Văn T số tiền bị chiếm đoạt là 20.000.000đ (bị cáo đã khắc phục cho ông T 15.000.000đ, còn lại 5.000.000đ mỗi tháng trả 1.000.000đ); Chị Lê Thị D số tiền bị chiếm đoạt là 130.000.000đ (bị cáo đã khắc phục cho chị D 50.000.000đ, còn lại 80.000.000đ chị D có đơn yêu cầu buộc bị cáo tiếp tục bồi thường); Bà Nguyễn Thị M số tiền bị chiếm đoạt là 150.000.000đ (bị cáo đã khắc phục cho bà Mười 20.000.000đ, còn lại 130.000.000đ, bà M có đơn yêu cầu buộc bị cáo tiếp tục bồi thường). Đồng thời các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Như T .

Bà Nguyễn Thúy L , trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm bào chữa cho bị hai Nguyễn Thị M: Thống nhất với cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Như T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Cũng hoàn toàn thống nhất với tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã áp dụng cho bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo trong mức án theo đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền còn lại cho bị hại Nguyễn Thị M .

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo Lê Như T đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và hối hận, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Lê Như T , nguyên là trưởng Ban lãnh đạo ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang, từ năm 2016 đến năm 2018, lợi dụng sự tin tưởng của người dân trong việc xét cấp đất ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo không có đất ở do Nhà nước thu hồi đất làm tuyến dân cư vượt lũ và chủ trương mua, bán các nền thuộc vị trí khu sinh lợi trong tuyến dân cư vượt lũ 600 từ kinh 6 đến kinh 9, bị cáo Lê Như T đã dùng thủ đoạn gian dối như: hứa xét cấp đất, đứng ra làm hợp đồng mua bán đất giả, giả mạo chữ ký của người mua đất để ký tên vào hợp đồng mua đất, nhận tiền nhưng không mua đất cho người đăng ký mua. Với thủ đoạn trên Lê Như T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản 05 lần của 05 người dân với tổng số tiền là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Hành vi của bị cáo Lê Như T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Lê Như T về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến chính sách quản lý hành chính nhà nước. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, vì mục đích muốn có tiền để tiêu xài cá nhân bị cáo T đến gặp các bị hại đặt vấn đề xem xét xin cấp đất, giới thiệu mua bán đất ở, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối như làm hợp đồng mua bán đất giả, giả mạo chữ ký của các bị hại để chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm là cần thiết, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân xấu, có 1 tiền án, ngày 22/10/1985 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân, đến nay đã xóa án tích.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên và phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên (bà Nguyễn Thị M) được quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả với số tiền 130.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có cha là ông Lê Văn M được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự chuyển khung hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo trong mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ sức răn đe và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Những tài liệu có liên quan đến vụ án thu giữ được gồm:

- Một biên nhận với nội dung: "hôm nay vào lúc 08 giờ ngày 23/11/2017 tôi Lê Như T , sinh năm 1956 nhận số tiền của ông Võ Hùng K là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền mua nền nhà ở tuyến dân cư K9-K6 (nền S24)";

- Một biên nhận có hai nội dung: "Vào ngày 22/02/2018 tôi Lê Như T , sinh năm 1956 có nhận số tiền của cháu Lê Thị D là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) tiền mua nền nhà sinh lợi ở tuyến dân cư K9-K6 (nền S30)"; "Hôm nay ngày 19/3/2018 tôi có nhận thêm 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Tổng cộng trước sau là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng)";

- Một biên nhận với nội dung: "ngày 19/4/2016 tôi Lê Như T có nhận của chú Tùng tổ 13 số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để mua nền nhà tuyến dân cư K9-K6"; đây là vật chứng của vụ án nên lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Lê Như T cùng gia đình đã thỏa thuận và bồi thường thiệt hại cho bị hại Phạm Phú L số tiền bị chiếm đoạt là 30.000.000đ, bị cáo đã khắc phục cho anh L được 25.000.000đ, còn lại 5.000.000đ anh L không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường, Hội đồng xét xử ghi nhận nên không xem xét.

Bị cáo T đã bồi thường cho bị hại Cao Thị X số tiền bị chiếm đoạt là 30.000.000đ, bị cáo đã khắc phục cho bà X được 20.000.000đ, còn lại 10.000.000đ bà X không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường, Hội đồng xét xử ghi nhận nên không xem xét.

Bị cáo T đồng ý bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T số tiền bị chiếm đoạt là 20.000.000đ, bị cáo đã khắc phục cho anh T được 15.000.000đ, còn lại 5.000.000đ mỗi tháng trả 1.000.000đ.

Bị cáo T đồng ý bồi thường cho bị hại Lê Thị D số tiền bị chiếm đoạt là 130.000.000đ, bị cáo đã khắc phục cho chị D được 50.000.000đ, còn lại 80.000.000đ chị D có đơn yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

Bị cáo T đồng ý bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị M số tiền bị chiếm đoạt là 150.000.000đ, bị cáo đã khắc phục cho bà M 20.000.000đ, còn lại 130.000.000đ, bà M có đơn yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường).

Bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền còn lại cho các bị hại tổng cộng là 215.000.000đ (Hai trăm mười lăm triệu đồng).

[8] Đối với nền nhà S24, sau khi bà Nguyễn Thị M giao tiền đủ cho bị cáo Lê Như T thì gia đình bà M đã xây cất nhà ở kiên cố cho đến nay, theo công văn số 42/UBND-TCKH ngày 12/3/2020 của UBND huyện T thì gia đình bà Nguyễn Thị M (là mẹ của ông Võ Hùng K) xây dựng nhà ở trên nền nhà S24 là không hợp pháp vì chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định, đến ngày 31/3/2020 UBND huyện T , tỉnh Kiên Giang có công văn số 57/UBND-TCKH về việc không yêu cầu Cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết việc gia đình bà Nguyễn Thị M (là mẹ của ông Võ Hùng K) xây dựng nhà ở trên nền nhà S24, UBND huyện sẽ ban hành thủ tục theo quy định pháp luật và chỉ đạo cơ quan chuyên môn đã mời làm việc với gia đình bà Nguyễn Thị M và gia đình bà M cam kết sẽ nộp đủ tiền trong năm 2020. Xét thấy đây thuộc lĩnh vực quản lý hành chính và UBND huyện có công văn không yêu cầu giải quyết vụ việc trên trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Thanh L là cán bộ Phòng Tài chính Kế hoạch được UBND huyện phân công nhiệm vụ theo dõi bán nền cụm, tuyến dân cư vượt lũ, bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước và Nguyễn Phước L là cán bộ Tư pháp xã T , qua làm việc cả hai đều khai nhận không có bàn bạc hoặc cấu kết với bị cáo Lê Như T trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do cả hai tin tưởng Lê Như T khi đó là Trưởng Ban lãnh đạo ấp Đ , xã T nên khi T đến nhờ chứng thực hợp đồng mua bán nền nhà và nhờ làm thủ tục về đất đai do người mua đã cung cấp sổ hộ khẩu và giấy chứng minh, nên đã soạn thảo hợp đồng sau đó đưa lại cho bị cáo T để đưa cho các bị hại ký tên rồi nộp lại để ra quyết định giao đất để người mua nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước đều không thẩm tra xác minh chữ ký của các bên trong hợp đồng. Xét thấy hành vi của Nguyễn Phước L và Nguyễn Thanh L không cấu thành tội phạm, nên thông báo đến Chủ tịch UBND huyện T , Phòng tài chính Kế hoạch huyện và UBND xã T biết để có hướng xử lý trách nhiệm là đủ nghiêm.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và quan điểm bào chữa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị M là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Như T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí có giá ngạch trên số tiền bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại là 215.000.000đ x 5% = 10.750.000đ do bị cáo là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Như T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

* Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Như T 02 (hai) năm tù giam**, nhưng khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/12/2019 đến ngày 17/4/2020 là 04 tháng 17 ngày, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Lê Như T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T số tiền 20.000.000đ, bị cáo đã bồi thường được 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Buộc bị cáo Lê Như T phải bồi thường cho bị hại Lê Thị D số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), bị cáo đã bồi thường được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại Lê Thị D số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Lê Như T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị M số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), bị cáo đã bồi thường được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại Nguyễn Thị M số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Tổng cộng số tiền bị cáo Lê Như T còn phải bồi thường cho các bị hại là 215.000.000đ (Hai trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Như T được miễn 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.750.000đ (Mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí có giá ngạch.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với những bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Công an huyện T ;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến